**Phụ lục I**

**Tổng hợp số liệu đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 237/2025/NĐ-CP năm học 2025 - 2026 tại 19 xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

*(Kèm theo Quyết định số: 938 /QĐ-UBND ngày 25 /5/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

| TT | Đơn vị | Số trẻ em được hưởng hỗ trợ ăn trưa | Số trẻ em được hưởng hỗ trợ chi phí học tập | Số CBQL, giáo viên, nhân viên được hưởng chính sách hỗ trợ |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Xã Châu Sơn | 108 | 108 | 42 |
| 2. | Xã Đình Lập | 62 | 62 | 32 |
| 3. | Xã Mẫu Sơn | 265 | 265 | 52 |
| 4. | Xã Khuất Xá | 221 | 0 | 45 |
| 5. | Xã Thái Bình | 187 | 187 | 40 |
| 6. | Xã Lộc Bình | 102 | 5 | 95 |
| 7. | Xã Na Dương | 250 | 247 | 98 |
| 8. | Xã Lợi Bác | 170 | 0 | 40 |
| 9. | Xã Thống Nhất | 375 | 375 | 83 |
| 10. | Xã Xuân Dương | 188 | 0 | 45 |
| 11. | Xã Kiên Mộc | 80 | 72 | 40 |
| 12. | Xã Cao Lộc | 136 | 0 | 35 |
| 13. | Xã Ba Sơn | 229 | 229 | 55 |
| 14. | Xã Công Sơn | 145 | 0 | 34 |
| 15. | Xã Đồng Đăng | 110 | 0 | 75 |
| 16. | Phường Đông Kinh | 24 | 24 | 77 |
| 17. | Phường Lương Văn Tri | 30 | 30 | 63 |
| 18. | Phường Tam Thanh | 30 | 26 | 64 |
| 19. | Phường Kỳ Lừa | 106 | 99 | 117 |
| | **Cộng** | **2.818** | **1.729** | **1.132** |